TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-PT
Ngày: 10 - 5 - 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do Bản án số 29/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2024/QĐ-PT ngày 05/4/2024 và Thông báo số 149/TB-PT ngày 03/5/2024 về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Giàng Văn D, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn B, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3.2. Bà Hầu Thị C1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hầu Văn C2, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn G, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Văn bản ủy quyền ngày 22/4/024. Có mặt.

- Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hầu Thị Chu .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Do chỗ quen biết làm ăn sinh sống cùng địa phương với nhau nên vợ chồng bà thường cho ông D, bà C1 vay tiền; bằng hình thức nhận tiền đến mùa trả bằng cà phê nhân (chốt cà phê nhân), cụ thể:

- Ngày 05/7/2022, chốt 02 tấn cà phê nhân với giá 33.000đ/kg, thành tiền là 66.000.000đ;

- Ngày 08/7/2022, chốt 04 tấn cà phê nhân với giá 33.000đ/kg, thành tiền là 132.000.000đ;

- Ngày 28/9/2022, chốt 02 lần, tổng là 01 tấn cà phê nhân với giá 40.000đ/kg, thành tiền là 40.000.000đ;

- Ngày 03/10/2022, chốt 500kg cà phê nhân với giá 40.000đ/kg, thành tiền là 20.000.000đ;

Tổng cộng là 258.000.000đ.

Việc vay mượn tiền chỉ một mình ông D ký vào sổ nợ. Tuy nhiên, cứ sau mỗi lần vay tiền bà có vào nhà thông báo cho bà C1 vợ ông D biết; hai bên thống nhất đến mùa trả bằng cà phê nhân. Lúc đó, bà C1 đồng ý và không có ý kiến gì. Sau khi chốt số nợ trên, ông D đến vay tiếp nhưng bà không đồng ý.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông D, bà C1 phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà số tiền 258.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn ông Giàng Văn D, Tòa án đã xác minh tại địa phương, được biết hiện nay ông D đã bỏ đi khỏi địa phương; còn đi đâu làm gì thì không trình báo nên địa phương không biết.

Tòa án đã đăng báo thông tin theo quy định nhưng không có kết quả. Vì vậy, không tiến hành lấy lời khai của ông D được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hầu Thị Chu trình B:

Bà là vợ ông D. Việc vay mượn tiền bằng hình thức chốt cà phê nhân giữa ông G và bà C như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, số tiền đó ông D không đưa cho bà, cũng không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình. Hơn nữa, vào cuối năm 2022 bà có hỏi ông D về việc vay mượn tiền bạc của bà C thì ông D nói trả rồi. Vì vậy, bà không đồng ý trả số tiền trên cho bà C, ông H.

Tại Bản án số 29/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông. Xử.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C. Buộc ông Giàng Văn D, bà Hầu Thị C1 phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Ngọc H số tiền 258.000.000đ.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hầu Thị C1 kháng cáo không đồng ý trả nợ cho bà C, ông H đối với số tiền ông D vay.

Tại phiên tòa,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hầu Thị C1 (do ông Hầu Văn C2 là người đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hầu Thị C1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", buộc ông D có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 258.000.000đ, buộc bà C chịu 3.200.000đ chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc bà C khởi kiện yêu cầu ông D, bà C1 có nghĩa vụ trả 258.000.000đ là tiền vay bằng hình thức chốt cà phê nhân được thanh toán bằng tiền tại thời điểm ký. Còn ông D đã bỏ đi khỏi địa phương nên không có lời khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1 xác định bà thừa nhận có biết việc vay mượn tiền bằng hình thức chốt cà phê nhân giữa ông D và bà C nhưng số tiền vay ông D không đưa cho bà, cũng không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình, bà không đồng ý trả nợ cho bà C, ông H nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" là không đúng, do đó cần xác định lại quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa''.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1 thấy rằng:

[2.1] Theo tài liệu thể hiện việc ông D và bà C ký xác nhận việc chốt cà phê nhân cụ thể như sau: Ngày 05/7/2022, chốt 02 tấn với giá 33.000đ/kg, thành tiền là 66.000.000đ; ngày 08/7/2022, chốt 04 tấn với giá 33.000đ/kg, thành tiền là 132.000.000đ; ngày 28/9/2022 chốt 01 tấn với giá 40.000đ/kg, thành tiền là 40.000.000đ; ngày 03/10/2022 chốt 500kg với giá 40.000đ/kg, thành tiền là 20.000.000đ. Tổng cộng là 258.000.000đ.

Các đương sự đều thừa nhận đến mùa giao lại cà phê để trừ số cà phê đã chốt, bản thân bà C1 cũng xác định việc vay mượn tiền bằng hình thức chốt cà phê nhân giữa ông D và bà C là đúng; bà có biết việc vay mượn tiền rồi cấn trừ bằng cà phê vào cuối vụ và xác định bà C có vào nhà thông báo cho bà biết về các lần ông D vay mượn tiền, bà cũng xác định tổng số tiền ông D vay bằng hình thức chốt cà phê để

cấn trừ nợ là 258.000.000đ đây là tình tiết được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bà C1 cho rằng số tiền chốt nợ 258.000.000đ ông D không đưa cho bà, không sử dụng vào mục đích chung gia đình, cuối năm 2022 bà có hỏi và ông D xác định đã trả rồi nên bà không đồng ý trả nữa. Qua xem xét các chứng cứ thể hiện việc chốt nợ chỉ có ông D ký tên nhưng bản thân bà C1 cũng xác định bà có biết việc chốt nợ nhưng không có ý kiến gì và bà có hỏi ông D về số tiền này thì được biết ông D đã trả nên bà không đồng ý trả nữa. Như vậy, việc ông D chốt nợ được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân, bà C1 biết có khoản tiền vay bằng hình thức chốt cà phê này nên việc ông D có đưa cho bà số tiền trên hay không và có sử dụng vào mục đích chung gia đình cũng không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ đối với khoản tiền trên, nên nghĩa vụ trả nợ là của cả ông D, bà C1 theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Theo quy định tại Điều 385 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chi phí này do người yêu cầu chịu. Do đó cần buộc bà C phải chịu 3.200.000đ, đã nộp và quyết toán xong.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà C1. Sửa bản án sơ thẩm về xác định lại quan hệ tranh chấp và chi phí tố tụng.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hầu Thị Chu .

Sửa Bản án số 29/2023/DS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" với ông Giàng Văn D.

Buộc ông Giàng Văn D, bà Hầu Thị C1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị C, ông Nguyễn Ngọc H số tiền 258.000.000đ (Hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

2. Về chi phí tố tụng:

Bà Trần Thị C phải chịu 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng), đã nộp và quyết toán xong.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Giàng Văn D, bà Hầu Thị C1 phải chịu 12.900.000đ (mười hai triệu, chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị C số tiền 6.450.000đ (sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số 0010253 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Hầu Thị C1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm nộp theo biên lai thu số 0005271 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. Bà C1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đam Rông (02);
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- Người tham gia tố tụng (05);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn (05).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Tâm